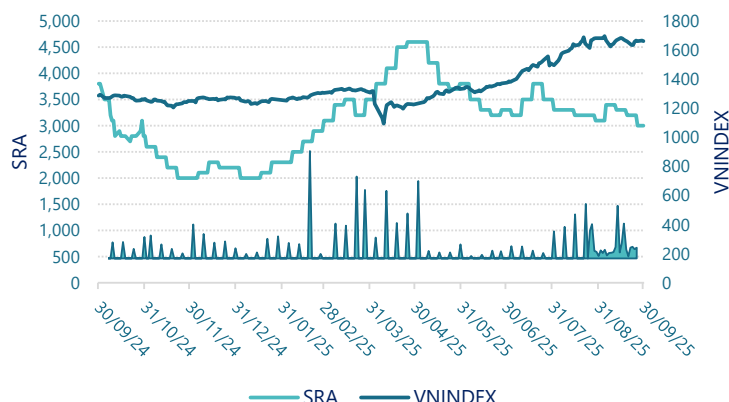


CTCP Sara Việt Nam (HNX: SRA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
SL cổ phiếu LH	43,199,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	106,040
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	130
P/E	3.2
EPS	939

DT thuần

Q3/25

36.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.20 | -10.2%

YoY: ▲36.4 | 7283%

LN sau thuế

Q3/25

3.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▲6.47 | 222%

YoY: ▼8.24 | -69.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.6%

+/- YoY: ▼2334%

DT thuần

9T 2025

101

tỷ VNĐ

YoY: ▲38.7 | 62.1%

LN sau thuế

9T 2025

0.66

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0 | -97.8%

ROE

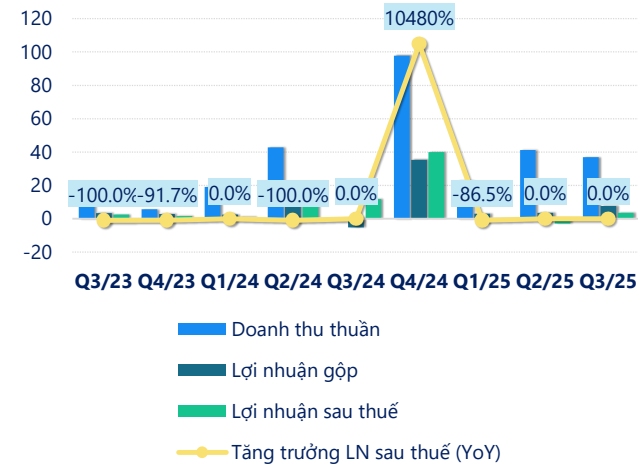
Q3/25

6.3%

+/- YoY: ▲1.3%

tỷ VNĐ

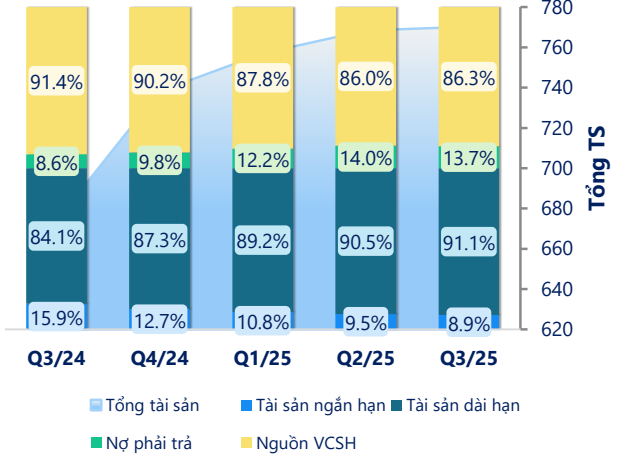
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

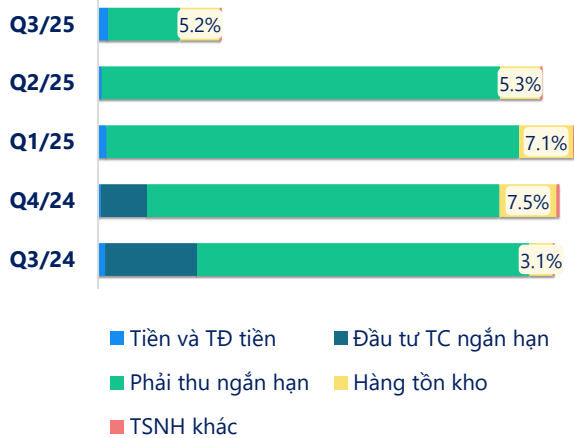
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



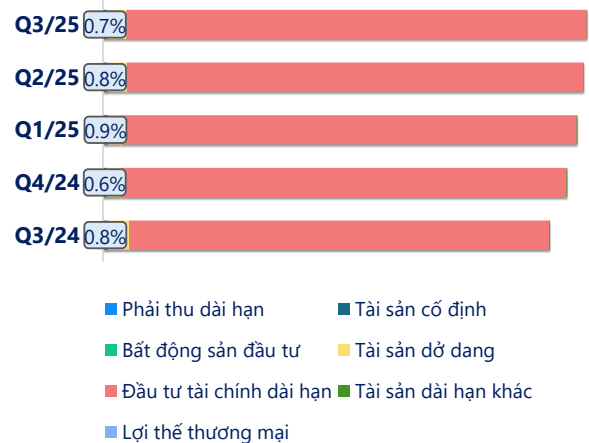
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

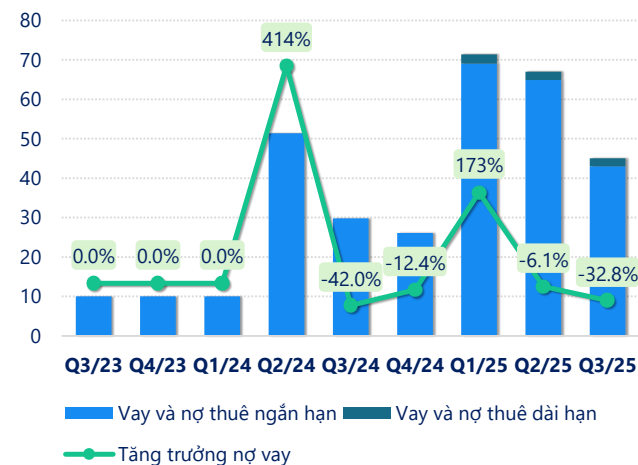
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

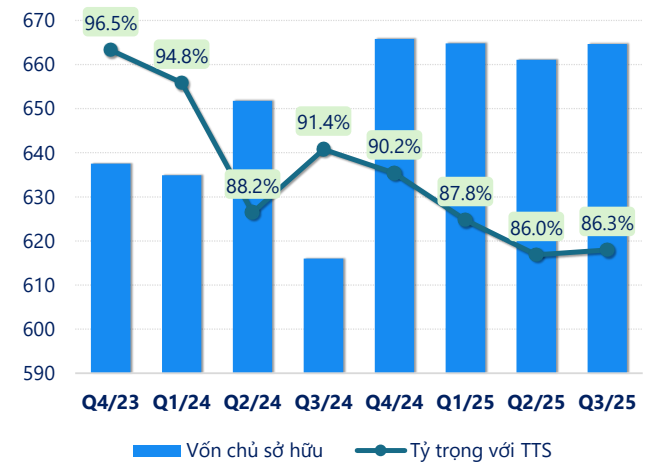
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

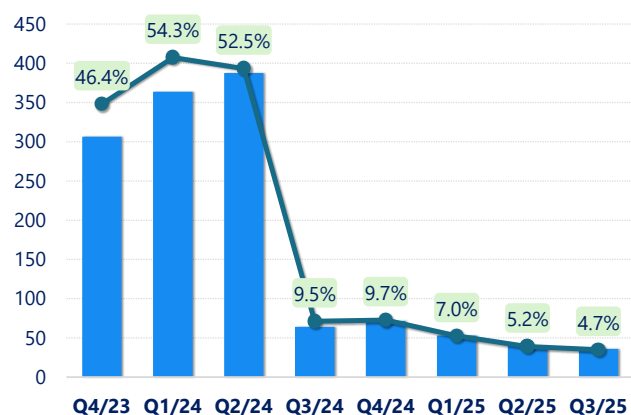
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

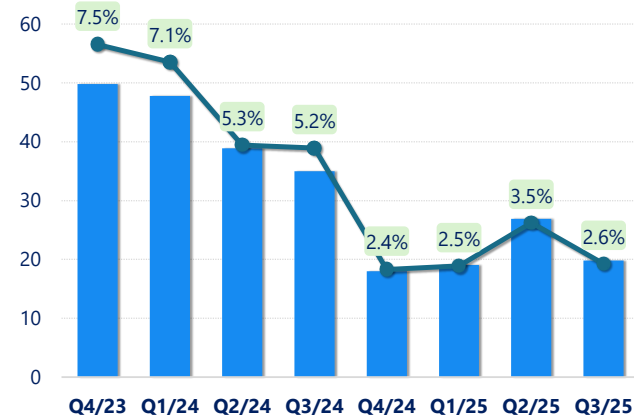
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

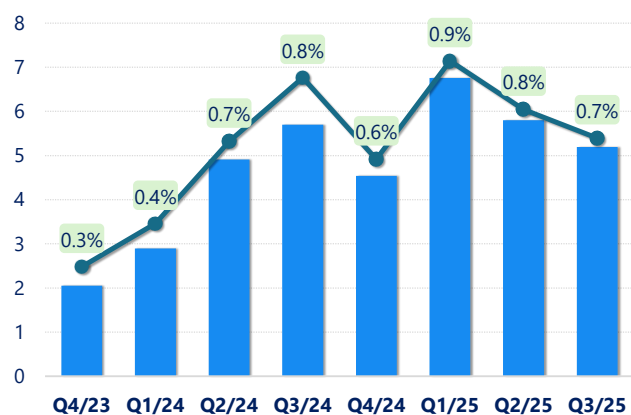
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

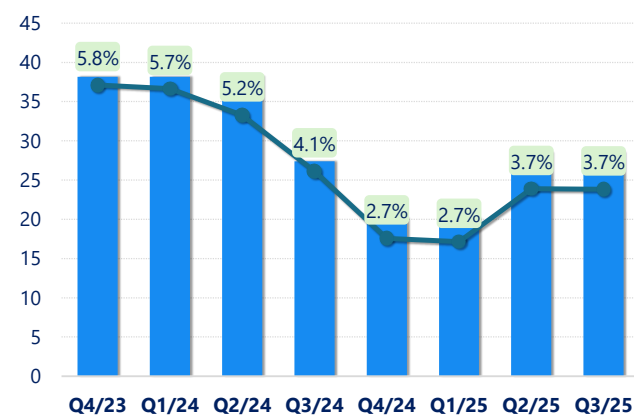
tỷ VNĐ

Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

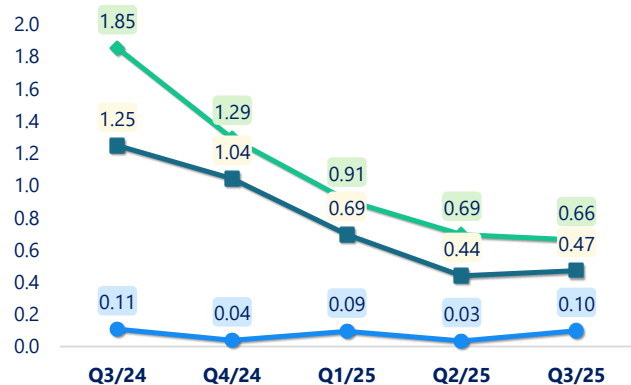
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


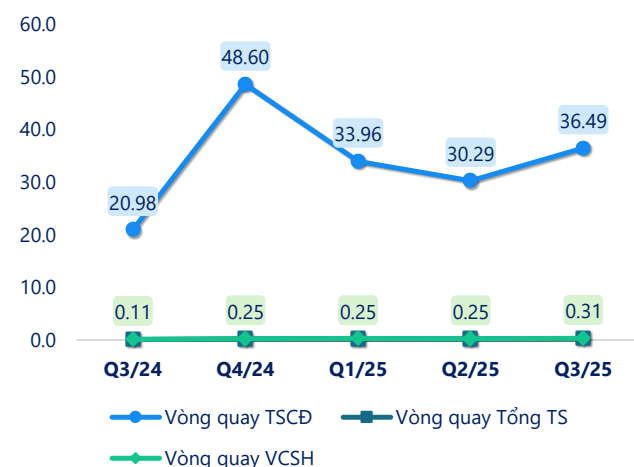
Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	674	738	757	768	770
Tài sản ngắn hạn	107	93.4	81.5	73.0	68.5
Tiền và tương đương tiền	6.22	2.82	8.42	3.62	10.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	64.0	71.7	53.0	40.1	35.9
Hàng tồn kho	35.0	18.0	19.1	26.9	19.8
Tài sản ngắn hạn khác	1.97	0.90	0.99	2.41	2.66
Tài sản dài hạn	567	645	675	695	702
Phải thu dài hạn	0.12	0.18	0.18	0.12	0.18
Tài sản cố định	5.70	4.54	6.76	5.80	5.19
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	27.4	20.2	20.2	28.5	28.5
Đầu tư tài chính dài hạn	532	619	647	660	667
Tài sản dài hạn khác	1.20	1.19	1.18	1.16	1.15
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	57.8	72.3	92.2	107	106
Nợ ngắn hạn	57.8	72.3	89.9	105	104
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.8	26.1	69.1	64.9	43.0
Phải trả người bán ngắn hạn	8.35	26.5	11.9	18.9	23.2
Nợ dài hạn	0	0	2.29	2.11	2.02
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	2.29	2.11	2.02
Nguồn vốn chủ sở hữu	616	666	665	661	665
Vốn chủ sở hữu	616	666	665	661	665
Vốn điều lệ	432	432	432	432	432
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)